TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 381/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-12-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa.

2. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh An, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 339/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2024, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1230/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn T, sinh năm 1971; cư trú tại khu phố D, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị V năm 1973; cư trú tại khu phố D, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Văn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị V1 sống chung với nhau vào năm 2000. Đến ngày 05 tháng 6 năm 2002, ông và bà V kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, tỉnh Bình ĐịnhTrước khi kết hôn, giữa ông và bà V có tìm hiểu rồi tự nguyện đăng ký kết hôn chứ không ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn, ông và bà V sống chung với nhau và sống hạnh phúc đến năm 2022 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc giữa

ông và bà V5 còn phù hợp nhau về tính tình, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến ông và bà V2 xảy ra kình cãi với nhau. Ông không có quan hệ ngoại tình với người khác nhưng bà V12 rằng ông quan hệ ngoại tình nên ông nóng giận có đánh bà V. Nay ông và bà V5 thể nào chung sống với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Sau khi Toà án hoà giải đến nay thì ông và bà V5 thể nào đoàn tụ với nhau nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị V1

Trong thời gian chung sống, vợ chồng ông có hai người con chung là Đặng Quang M ngày 02 tháng 8 năm 2001 và Đặng Thùy L2 ngày 18 tháng 5 năm 2011. Nếu ly hôn thì Đặng Quang M1 thành niên nên ông không yêu cầu gì. Ông đồng ý giao Đặng Thùy L bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay L1 sống chung với bà V.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng ông. Ông xác định hiện nay vợ chồng của ông không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản đối với ai khác. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên toà bị đơn bà Nguyễn Thị V1 vắng mặt nhưng tại bản tự khai và tại phiên hoà giải bà V3 bày: Bà công nhận về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng bà như chồng của bà là ông Đặng Văn T1 trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, bà và ông T2 chung với nhau và sống hạnh phúc đến năm 2021 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc ông T3 quan hệ ngoại tình với người khác rồi về đánh đập bà. Vì thương các con nên bà cố gắng hoà giải để vợ chồng sống hạnh phúc với nhau nhưng ông T4 không thay đổi. Bà không chứng minh được ông Thông quan Hngoại tình với ai mà bà chỉ nghi ngờ. Bà và ông T5 còn quan hệ tình cảm vợ chồng từ năm 2022 đến nay nhưng nay vì thương các con nên bà mong muốn Toà án hoà giải đề vợ chồng bà đoàn tụ với nhau chứ bà không đồng ý ly hôn. Từ khi hoà giải đến nay, bà và ông T4 không có biện pháp nào để đoàn tụ với nhau.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà có hai người con chung là Đặng Quang M ngày 02 tháng 8 năm 2001 và Đặng Thùy L2 ngày 18 tháng 5 năm 2011. Nếu ly hôn thì Đặng Quang M1 thành niên nên bà không yêu cầu gì. Bà yêu cầu giao Đặng Thùy L bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông Tcấp D nuôi con. Hiện nay L1 sống chung với bà.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng bà. Hiện nay vợ chồng bà không nợ tài sản gì của ai. Ngoài ra bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn T, cho ông Đặng Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị V1; giao con chung của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Vlà Đặng Thùy L2 ngày 18 tháng 5 năm 2011 cho bà Nguyễn Thị V4 tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị V5 yêu cầu ông Đặng Văn T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Đối với con chung là Đặng Quang M1 thành niên; ông T6 bà V17 không yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị V5 tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn ông Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm thụ lý vụ án và hiện nay bị đơn bà Nguyễn Thị V6 trú tại khu phố D, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định. Do đó theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị V7 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị V1.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị V8 hôn vào ngày 05 tháng 06 năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45. Việc kết hôn giữa ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị V9 theo các điều kiện quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa ông T và bà V10 hợp pháp. Ông Đặng Văn T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị V11 cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng ông sống chung với nhau và sống hạnh phúc đến năm 2022 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc giữa ông và bà V5 còn phù hợp nhau về tính tình, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến ông và bà V2 xảy ra kình cãi với nhau; ông không có quan hệ ngoại tình với người khác nhưng bà V12 rằng ông quan hệ ngoại tình nên ông nóng giận có đánh bà V. Bà Nguyễn Thị V12 rằng sau khi kết hôn, bà và ông T2 chung với

nhau và sống hạnh phúc đến năm 2021 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc ông T3 quan hệ ngoại tình với người khác rồi về đánh đập bà; vì thương các con nên bà cố gắng hoà giải để vợ chồng sống hạnh phúc với nhau nhưng ông T4 không thay đổi; bà không chứng minh được ông Thông quan Hngoại tình với ai mà bà chỉ nghi ngờ; bà và ông T5 còn quan hệ tình cảm vợ chồng từ năm 2022 đến nay nhưng nay vì thương các con nên bà mong muốn Toà án hoà giải đề vợ chồng bà đoàn tụ với nhau chứ bà không đồng ý ly hôn. Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông T và bà V13 tiến hành hòa giải, nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng ông T6 bà V, bà V14 cầu được đoàn tụ nhưng Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, có đủ căn cứ chứng minh hôn nhân giữa ông T6 bà V7 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cho ông T được ly hôn với bà V.

[3.2] Về con chung: Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị V15 02 người con chung là Đặng Quang M ngày 02 tháng 8 năm 2001 và Đặng Thùy L2 ngày 18 tháng 5 năm 2011. Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị V16 nhất giao cháu Đặng Thùy L3 cho bà Nguyễn Thị V1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay bà V đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu L; cháu L có nguyện vọng ở với bà V. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu Đặng Thùy L3, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Đặng Thùy L3 cho bà Nguyễn Thị V1 trực tiếp trông nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị V1 không yêu cầu ông Đặng Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng ông T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà V. Khi cần thiết ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị V17 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với con chung là Đặng Quang M1 thành niên; ông T6 bà V17 không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị V17 không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn ông Đặng Văn T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

[5] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn T7

2. Về quan hệ hôn nhân:

2.1. Cho ông Đặng Văn T ly hôn với bà Nguyễn Thị V1.

2.2. Quan hệ hôn nhân giữa ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị V1 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 do Ủy ban nhân dân thị trấn D1, huyện T, tỉnh Bình Định chứng nhận ngày 05 tháng 6 năm 2002 chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung:

3.1. Giao con chung của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị V1 là cháu Đặng Thùy L2 ngày 18 tháng 5 năm 2011 cho bà Nguyễn Thị V1 trực tiếp trông nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hiện nay bà Nguyễn Thị V1 đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Thùy L3.

3.2. Đối với Đặng Quang M ngày 02 tháng 8 năm 2001 đã thành niên, ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị V1 đều không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

3.3. Bà Nguyễn Thị V1 không yêu cầu ông Đặng Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

3.4. Ông Đặng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng ông Đặng Văn T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Nguyễn Thị V1. Khi cần thiết ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị V1 đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và

phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

4. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị V1 không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đặng Văn T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông Đặng Văn T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002842 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Đặng Văn T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 02 tháng 12 năm 2024). Bị đơn bà Nguyễn Thị V1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**